

Bản án số: 106/2021/HSST

Ngày 25/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng và bà Vũ Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền, thư ký TAND huyện Quỳnh Lưu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 109/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị K; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/7/2000; Nơi cư trú: xóm A, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Quang P, sinh năm 1970 và con bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; Chồng: Hồ Trọng K, sinh năm 1994; Con: có một người, sinh năm 2021; Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/5/2021 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Bùi Thị Ánh L, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đậu Thị T, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 22/4/2021, chị Bùi Thị Ánh L đến nhà và rủ K đi làm các giấy tờ xin việc làm. K đồng ý và chở L đi đến nhà mẹ đẻ của L để lấy sổ hộ khẩu. Khi đến nơi, thấy không có người ở nhà nên K chở L đến chợ chiều xã L tìm

mẹ của L để lấy chìa khóa nhưng vẫn không gặp. Hai người lại quay về nhà mẹ đẻ của L, K đứng ngoài xe, còn L đi vào nhà hàng xóm để nhờ nhắn mẹ gửi sổ hộ khẩu. Khi đi L có treo một chiếc túi ni lông bên trong có đựng một chiếc ví màu hồng, ở ghi đông phía bên phải xe mô tô của K. K đã lấy túi đồ của L mở ra xem thì thấy có một chiếc ví màu hồng, bên trong ví có một hộp màu đỏ hình trái tim bên trong có 01 chiếc nhẫn tròn bằng kim loại vàng, mặt trong nhẫn có khắc chữ “T C 9999 - 1c”, biết là nhẫn vàng nên K đã lấy trộm rồi cất giấu vào túi áo khoác bên trái. Sau khi L ở trong nhà hàng xóm ra, K tiếp tục chở L đi đến một số nơi để làm thủ tục giấy tờ và đến Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu để xin giấy khám sức khỏe. Sau khi khám sức khỏe xong, L lấy ví ra để trả tiền thì phát hiện bị mất chiếc nhẫn vàng 9999. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, K đi đến cửa hàng vàng bạc H H bán chiếc nhẫn vừa trộm cho nhân viên bán hàng chị Đậu Thị T với giá với giá 5.260.000 đ (năm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Sau khi mua chiếc nhẫn vàng, chị T đã đem chiếc nhẫn đi nung và tạo ra thành phẩm khác. L đi qua cửa hàng vàng bạc H H thì phát hiện thấy K đang đứng trong tiệm vàng nên khi về đến nhà, L có nhắn tin điện thoại để hỏi K về chiếc nhẫn vàng của mình bị mất nhưng K nói không thấy và không lấy. Vì vậy, sáng ngày 23/4/2021, chị Bùi Thị Ánh L đã làm đơn trình báo về việc mất chiếc nhẫn vàng 9999 đến Công an huyện Quỳnh Lưu.

Tại kết luận định giá tài sản số 148, ngày 18/5/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Lưu xác định: Chiếc nhẫn bằng kim loại vàng 9999 khối lượng là 01 chỉ, có đặc điểm: nhẫn hình tròn, mặt trong của nhẫn có khắc chữ “T C- 9999 1c” mà K đã trộm cắp của chị Bùi Thị Ánh L có giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.320.000 đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Bản cáo trạng số 121/CT-VKSQL ngày 10/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An truy tố Nguyễn Thị K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thị K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị K từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị Ánh L đã nhận lại số tiền 5.400.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Nguyễn Thị K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, bị cáo hiện nay đang nuôi con nhỏ, xin hội đồng xét xử bị cáo ở mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai có tại hồ sơ; phù hợp về thời gian, địa điểm và đặc điểm tài sản báo mất của bị hại chị Bùi Thị Ánh L. Sự phù hợp, thống nhất của các chứng cứ nêu trên, kết luận ngày 22/4/2021 Nguyễn Thị K lấy trộm 01 chỉ vàng 9999 của chị Bùi Thị Ánh L có trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 5.320.000đ. Do đó, đủ cơ sở kết luận Nguyễn Thị K phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm sự. Bị cáo hiện nay đang nuôi con nhỏ 6 tháng tuổi, bị cáo nhất thời phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và tạo điều kiện để bị cáo nuôi dạy con.

[4] Điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, đang nuôi con nhỏ nên không khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Bùi Thị Ánh L đã nhận lại số tiền 5.400.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên miễn xét.

[6] Chị Đậu Thị T là người mua chiếc nhẫn nhưng chị T không biết được đó là tài sản do người khác trộm cắp có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Bị cáo Nguyễn Thị K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Nguyễn Thị K được tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị K cho UBND xã S, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai yêu cầu gì nên miễn xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Nguyễn Thị K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ LQ;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan điều tra h.Quỳnh Lưu;
- Cơ quan THA hình sự h.Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Lưu;
- UBND xã S;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ